

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bá Ky
- Bà Trần Thị Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-HPT ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1991; CCCD: 060191016245, cấp ngày 27/12/2021; Địa chỉ: Thôn H, xã P, tỉnh Lâm Đồng; có mặt

Bị đơn: Ông Trần P, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1979; CMND: 260971755; Địa chỉ: Thôn H, xã P, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B (sau đây gọi là bà B) trình bày: Bà và ông Trần P (sau đây gọi là ông P) tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã P.

Thời gian đầu vợ chồng sống còn hạnh phúc nhưng sau này bà và ông P

thường xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, cãi vã và không có tiếng nói chung; ông P không lo cho vợ con, làm ra tiền chỉ biết lo cho bản thân mình, vì thương con và để giữ gìn hạnh phúc, bà cố nhịn nhục, chịu đựng và có khuyên ông P nhiều lần nhưng đến nay ông P vẫn không thay đổi; bà và ông P đã sống ly thân hơn 1 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 người con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2018, cháu T đang sinh sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông P từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị B được ly hôn ông Trần P; về con chung: Giao 01 con chung là Trần Gia T cho bà Huỳnh Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Bà Huỳnh Thị B yêu cầu ông Trần P cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông P; bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia T cho đến khi đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P có nơi đăng ký thường trú tại xã P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Ông P từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án lập biên bản theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông P theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà B và ông P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 06 tháng 4 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã P nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của bà B:

4.1. Về hôn nhân: Bà B yêu cầu được ly hôn ông P vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, cãi vã và không có tiếng nói chung; ông P không lo cho vợ con, làm ra tiền chỉ biết lo cho bản thân mình, vì thương con và để giữ gìn hạnh phúc, bà cố nhịn nhục, chịu đựng và có khuyên ông P nhiều lần nhưng đến nay ông P vẫn không thay đổi; bà và ông P đã sống ly thân hơn 1 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Lời trình bày của bà B phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống, điều đó thể hiện ông P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông P.

4.2. Về con chung: Bà B và ông P có 01 người con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2018, cháu T đang sinh sống với bà B. Bà B yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của cháu T nên chấp nhận; bà B yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

6. Về án phí: Bà B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Huỳnh Thị B đối với ông Trần P; Bà Huỳnh Thị B được ly hôn ông Trần P; Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 06 tháng 4 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã P, không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị B và ông Trần P có 01 con chung tên Trần Gia T, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Giao cho bà Huỳnh Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia T cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Huỳnh Thị B yêu cầu ông Trần P cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Huỳnh Thị B đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007461, ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng nên không hoàn lại cho Huỳnh Thị B số tiền này.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2025); Bị đơn ông Trần P vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + KV14);

- Tòa án ND tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Phòng THA KV 14;
- UBND xã Phan Rí Cửa;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm